

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LƯƠNG SƠN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/DS -ST

Ngày: 10-6-2025

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LƯƠNG SƠN, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Lan Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ánh Hồng và Bà Hoàng Thị Huyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Trường Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn tham gia phiên tòa: Ông Lý Đình Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 10/6/2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 39/2025/TLST - DS ngày 05 tháng 03 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXX - ST ngày 29 tháng 04 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2025/QĐST-DS ngày 15/5/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2025/QĐST-DS ngày 30/5/2025. giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc Á, sinh năm 1967; Trú tại: Chợ B, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

- Bị đơn: Chị Bùi Thu H, sinh năm 1992; Trú tại: Xóm G, A, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Á trình bày:* Ngày 27/8/2023 bà có cho chị Bùi Thu H vay số tiền 119.130.000 đồng có lập giấy vay tiền, thời hạn vay đến ngày 02/9/2023. Tuy không ghi vào giấy vay tiền nhưng giữa bà với chị H có thỏa thuận lãi suất theo quy định của pháp luật là 20%/năm/tổng số nợ vay. Đến ngày 02/9/2023 chị H không trả cho bà bất cứ khoản tiền nào. Bà Á nhiều lần liên lạc với chị H yêu cầu chị H trả tiền nhưng chị H không nghe điện thoại, không trả lời tin nhắn. Vì vậy bà Á đã làm đơn khởi kiện gửi Tòa án. Bà yêu cầu chị Bùi Thu H trả cho bà số tiền vay cả gốc và lãi tạm tính đến ngày 27/8/2024 là

142.956.000 đồng, trong đó nợ gốc là 119.130.000 đồng và lãi 23.826.000 đồng. Chị H còn phải tiếp tục chịu lãi suất 20%/ năm trên số tiền gốc cho đến khi tất toán khoản vay.

* *Bị đơn chị Bùi Thu H trình bày:* Chị xác nhận ngày 27/8/2023 có vay của bà Nguyễn Ngọc Á, sinh ngày 23/01/1967 số tiền là 119.130.000 đồng có lập giấy vay tiền với lãi suất theo quy định của pháp luật là 20%/năm, tuy nhiên phần lãi suất theo thỏa thuận này không ghi vào giấy vay tiền. Chị đã nhiều lần khất nợ bà Á do kinh tế khó khăn, chị chưa thanh toán khoản nợ trên cho bà Á. Nay bà Á khởi kiện buộc chị trả nợ cho bà Á, chị đồng ý trả nợ gốc 119.130.000 đồng, chị xin được miễn trả lãi do tình hình kinh tế khó khăn. Đối với số nợ gốc chị xin trả dần cho bà Á số tiền là 5.000.000 đồng vào ngày 15 mỗi tháng, bắt đầu từ tháng 4 năm 2025 cho đến khi thanh toán đủ số tiền nợ gốc cho bà Nguyễn Ngọc Á.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 116, 117, 118, 119, 293, Điều 357, Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 12 Nghị quyết số 01/2019NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một quy định pháp luật về lãi suất; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc Á

+ Buộc chị Bùi Thu H phải trả cho bà Nguyễn Ngọc Á số tiền tính đến ngày 10/6/2025 là 161.679.477 đồng, trong đó nợ gốc là 119.130.000 đồng, lãi là 42.549.477 đồng.

+ Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thu H phải chịu toàn bộ án phí dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Ngọc Á khởi kiện chị Bùi Thu H về hợp đồng vay tài sản được xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn chị Bùi Thu H hiện đang cư trú ở xóm G A, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình nên vụ án thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho các đương sự theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và xác định phạm vi khởi kiện của nguyên đơn: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không có khiếu nại gì về các quyết định, hành vi tiến hành tố tụng của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, nên hành vi, quyết định tố tụng là hợp pháp, tuân thủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đương sự tham gia phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa và thông báo thời gian tiếp tục phiên tòa dân sự sơ thẩm hợp lệ đến các đương sự: Bị đơn chị Bùi Thu H không đến làm việc tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên không tiến hành hòa giải được, chị H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ ba không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

[2]. Nội dung vụ án: Ngày 27/8/2023 chị Bùi Thu H vay bà Nguyễn Ngọc Á số tiền 119.130.000 đồng. Hẹn ngày 02/9/2023 chị H sẽ trả cho bà Á số tiền nêu trên. Trong giấy vay nợ không thỏa thuận về lãi suất, tuy nhiên cả bà Á và chị H trong bản tự khai đều thống nhất mức lãi suất là 20%/ năm. Quá trình thực hiện hợp đồng vay tiền do kinh tế gặp khó khăn nên chị H chưa trả bà Á tiền gốc cũng như tiền lãi, nhiều lần khất nợ bà Á nên bà Á đã khởi kiện ra TAND huyện Lương Sơn yêu cầu giải quyết:

Yêu cầu chị Bùi Thu H trả lại cho bà số tiền tạm tính đến ngày 27/8/2024 là 142.956.000 đồng, trong đó 119.130.000 đồng tiền gốc, lãi là 23.826.000 đồng và chị H vẫn phải tiếp tục chịu lãi suất 20%/ năm kể từ ngày 28/8/2024 cho đến khi tất toán xong khoản vay. Tại phiên tòa bà Nguyễn Ngọc Á yêu cầu chị Bùi Thu H phải trả cho bà Á số tiền tính đến ngày 10/6/2025 là: 161.679.477 đồng, trong đó nợ gốc là: 119.130.000 đồng, lãi là 42.549.477 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Giấy vay nợ đề ngày 27/8/2023 được ký giữa bà Nguyễn Ngọc Á và chị Bùi Thu H trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, tuân thủ quy định của pháp luật về nội dung và hình thức được quy định tại các Điều 116, 117, 118, 119 Bộ luật dân sự. Do đó, các bên tham gia giao dịch này có quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc Á: Yêu cầu chị Bùi Thu H phải trả cho bà Á số tiền tính đến ngày 10/6/2025 là 161.679.477 đồng: trong đó nợ gốc là: 119.130.000 đồng, lãi là 42.549.477 đồng.

Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Á và bị đơn chị Bùi Thu H xác nhận có cùng nhau ký giấy vay tiền đề ngày 27/8/2023 với số tiền vay 119.130.000 đồng nên đây là tình tiết không cần chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại bản tự khai đề ngày 20/3/2025 bà Nguyễn Ngọc Á trình bày: Ngày 27/8/2023 chị Bùi Thu H có vay của bà số tiền 119.130.000 đồng, hẹn ngày 02/9/2023 sẽ trả toàn bộ số nợ nêu trên cho bà Á. Tuy không ghi vào giấy vay tiền nhưng giữa bà Á và chị H có thỏa thuận lãi suất là 20%/ năm. Đến ngày 02/9/2023 chị H không trả cho bà Á bất cứ khoản tiền nào (cả gốc và lãi) . Bà Á đã nhiều lần liên lạc yêu cầu chị H1 trả cho bà số tiền gốc và lãi, nhưng chị H liên tục khất nợ, thời gian gần đây chị H không nghe điện thoại và không trả lời tin nhắn của bà Á nữa nên bà Á đã khởi kiện ra Tòa án. Bà Á yêu cầu chị H phải trả cho bà Á số tiền tính đến ngày 10/6/2025 là: 161.679.477 đồng, trong đó nợ gốc là: 119.130.000 đồng, lãi là 42.549.477 đồng.

Bị đơn chị Bùi Thu H xác nhận có vay của bà Nguyễn Ngọc Á số tiền 119.130.000 đồng, có lập giấy vay tiền, lãi suất theo quy định của pháp luật là 20%/ năm, tuy nhiên lãi suất này không ghi vào giấy vay tiền. Do kinh tế gặp khó khăn nên chị chưa thanh toán khoản nợ trên cho bà Á, chị xin được miễn lãi, đối với khoản nợ gốc chị sẽ trả cho bà Á số tiền 5.000.000 đồng vào ngày 15 mỗi tháng bắt đầu từ tháng 4/2025 cho đến khi tất toán xong khoản vay. Chị cam kết sẽ trả đủ số nợ gốc cho bà Nguyễn Ngọc Á.

Hội đồng xét xử xét thấy theo như giấy vay nợ được ký kết giữa bà Nguyễn Ngọc Á với chị Bùi Thu H thì chị H phải thực hiện mọi nghĩa vụ đã cam kết trong Giấy vay tiền đề ngày 27/8/2023 nên chị H phải có trách nhiệm trả nợ cho bà Nguyễn Ngọc Á số nợ gốc 119.130.000 đồng và lãi suất 20%/ năm trên tổng số nợ vay theo như chị H và bà Á thỏa thuận (không ghi trong giấy vay nợ) mà chị H đã thừa nhận bản tự khai đề ngày 25/3/2025. Căn cứ vào Điều 116, 117, 118, 119, 293, Điều 357, 429, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 12 Nghị quyết số 01/2019NQ-HĐTP ngày 11 /01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một quy định pháp luật về lãi suất: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc Á: Buộc chị Bùi Thu H1 phải trả nợ cho bà Nguyễn Ngọc Á số tiền tính đến ngày 10/6/2025 là 161.679.477 đồng: trong đó nợ gốc là: 119.130.000 đồng, lãi là 42.549.477 đồng.

[3.] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 26 và khoản 1 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Bùi Thu H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 116, 117, 118, 119, 293, Điều 357, 429, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 12 Nghị quyết số 01/2019NQ-HĐTP ngày 11 /01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một quy định pháp luật về lãi suất; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban ương vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Á về việc “ *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản* ”

1. Buộc chị Bùi Thu H phải trả cho bà Nguyễn Ngọc Á tổng số tiền tính đến ngày 10/6/2025 là 161.679.477 đồng, trong đó nợ gốc là: 119.130.000 đồng, lãi là 42.549.477 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Chị Bùi Thu H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là: 8.084.000 đồng.

Trả lại cho bà Nguyễn Ngọc Á số tiền tạm ứng án phí là 2.900.0000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005182, ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện Lương Sơn;
- Chi cục THADS huyện Lương Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Chu Thị Lan Anh

